

# Quyền dân tộc và quyền con người trong Tuyên ngôn Độc lập

Đặng Hữu Toàn \*

**Tóm tắt:** *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là một kiệt tác về tư tưởng, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà trên hết là áng hùng văn lập quốc vĩ đại, mang giá trị lịch sử vĩnh hằng. Bởi vì đó là Tuyên ngôn về nền độc lập của nước Việt Nam mới, về quyền tự do dân chủ cho dân tộc Việt Nam, cho mỗi người dân Việt Nam; Tuyên ngôn về quyền dân tộc tự quyết, về các quyền con người - những quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm, không thể không công nhận - của dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam. Bài viết không chỉ làm sáng tỏ giá trị lịch sử vĩnh hằng của bản Tuyên ngôn mà còn luận giải ý nghĩa thời đại của nó.

**Từ khóa:** Tuyên ngôn Độc lập; Hồ Chí Minh; quyền con người; Việt Nam.

Cách đây 70 năm, ngay sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, giữa lòng Thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ và toàn thể dân Việt Nam trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* - Tuyên ngôn lập quốc của nước Việt Nam mới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - để tuyên bố trước nhân dân toàn thế giới về quyền dân tộc tự quyết và các quyền cơ bản của con người với tư cách các quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm mà dân tộc Việt Nam, toàn thể nhân dân Việt Nam xứng đáng có quyền được hưởng.

70 năm qua, kể từ thời khắc lịch sử ấy, dân tộc Việt Nam ta, toàn thể nhân dân Việt Nam ta đã trải qua một chặng đường lịch sử đầy sóng gió, song cũng hết sức hào hùng và rất đổi vẻ vang để bảo vệ và giữ vững các quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm ấy, mở ra một thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh - trong lịch sử dựng nước và giữ

nước của dân tộc ta, đưa nhân dân ta, dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói, trong suốt chiều dài lịch sử 70 năm ấy, *Tuyên ngôn Độc lập* vẫn luôn khắc sâu vào tâm khảm của bao thế hệ người Việt Nam chúng ta, vẫn sáng ngời giá trị lịch sử vĩnh hằng với tư cách bản Tuyên ngôn lập quốc vĩ đại, lời tuyên bố đanh thép về quyền tự do, độc lập, quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam, quyền con người mà nhân dân Việt Nam xứng đáng được hưởng.

Thật vậy, trong suốt chặng đường lịch sử 70 năm qua, *Tuyên ngôn Độc lập* vẫn luôn được thừa nhận là nền tảng chính trị - pháp lý của nước Việt Nam mới (nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước đây, nước Cộng

---

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0913058803.  
Email: duy\_75\_82@yahoo.com.

hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay), hàm chứa những giá trị truyền thống và đương đại, mang giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại. Không chỉ thế, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới còn được thừa nhận là Tuyên ngôn bất hủ về quyền lựa chọn con đường độc lập, tự do của mỗi dân tộc, của dân tộc Việt Nam; về quyền dân tộc tự quyết và các quyền cơ bản của con người mà tất cả các dân tộc trên phạm vi toàn thế giới, cả cộng đồng nhân loại, cũng như dân tộc Việt Nam, toàn thể nhân dân Việt Nam đều có quyền được hưởng.

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Khi trích dẫn lại những lời bất hủ này trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>(1)</sup>. Tiếp đó, khi trích dẫn lại một câu bất hủ nữa trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Dân chủ tư sản Pháp 1789 - 1794: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”, Người khẳng định: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”<sup>(2)</sup>. Đương nhiên, lẽ phải ấy phải thuộc về tất cả các dân tộc, tất cả những ai yêu chuộng hòa bình, tự do và công lý trên khắp toàn cầu.

Do vậy, chúng ta hoàn toàn có lý khi khẳng định rằng, tuyên bố đanh thép đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới không chỉ

là lời tuyên bố về quyền độc lập, tự do của mỗi dân tộc, mà còn là lời tuyên bố về quyền độc lập, tự do của mỗi con người; không chỉ là lời tuyên bố về quyền được sống, được tồn tại, được mưu cầu hạnh phúc của mỗi dân tộc, mà còn là lời tuyên bố về quyền được sống, được tồn tại, được mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người; và khác với độc lập dân tộc giành được theo con đường cách mạng dân chủ tư sản, ở đây, độc lập dân tộc gắn liền với lợi ích của nhân dân lao động, độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân là một.

Không chỉ là lời tuyên bố về quyền độc lập, tự do, quyền được sống, được tồn tại và mưu cầu hạnh phúc của mỗi dân tộc, mỗi con người, *Tuyên ngôn Độc lập* trước hết là lời tuyên bố về nền độc lập của nước Việt Nam mới, về quyền tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam, cho mỗi người dân của nước Việt Nam mới.

Với Cách mạng tháng Tám vĩ đại - thành quả của ba cao trào cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo (cao trào 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô - viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945), dân tộc ta, nhân dân Việt Nam ta đã giành được nền độc lập cho dân tộc, quyền tự do, dân chủ cho nhân dân. Khi thực dân Pháp rút chạy, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, vua Bảo Đại buộc phải thoái vị, chớp thời cơ lịch sử đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước nhất tề đứng dậy giành chính quyền, “đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm... để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập”, “đánh đổ chế độ quân chủ

---

<sup>(1), (2)</sup> Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”<sup>(3)</sup>. Bởi vậy, nước Việt Nam mới - nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoàn toàn có quyền tuyên bố về quyền dân tộc tự quyết, có quyền “tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”, “các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn (Xan Phanxixcô)”, cũng như các nước khác trên toàn thế giới “quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”, bởi “một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm,... một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít... dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”<sup>(4)</sup>.

Với những lời khẳng định đanh thép đó, thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thay mặt toàn thể những người dân của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”; “toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”<sup>(5)</sup>.

Như vậy, có thể nói, nếu *Tuyên ngôn Độc lập* của Cách mạng Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp chỉ đưa ra và khẳng định các quyền cá nhân của con người như một sản phẩm tự nhiên mang tính tiền định, thì *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới không chỉ đưa ra và khẳng định quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng giữa các dân tộc,

mà còn đồng thời đưa ra và khẳng định rằng, để đi tới các quyền tự do, bình đẳng, quyền mưu sinh cho mỗi con người, trước hết phải giành cho được quyền tự do, độc lập cho dân tộc. Nói cách khác, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới đã khẳng định nền độc lập tự do của dân tộc là điều kiện đầu tiên, bao trùm và tiên quyết cho việc tạo dựng các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và mưu sinh, mưu cầu hạnh phúc cho mỗi con người và cho cả cộng đồng dân tộc. Nếu xuất phát từ truyền thống hào hùng trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta mà xét, chúng ta còn có thể nói, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới không chỉ bắt nguồn từ truyền thống vốn có của dân tộc Việt Nam ta - truyền thống đặt sự tồn tại của cả cộng đồng dân tộc lên trên sự tồn tại của mỗi cá nhân con người, coi “quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”<sup>(6)</sup>, mà còn là sự kế thừa có sáng tạo để nâng lên tầm cao mới quyền mà dân tộc ta luôn coi là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc - “Toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”<sup>(7)</sup>. Thực tiễn lịch sử dân tộc ta cũng cho thấy, vì những quyền thiêng liêng nhất ấy mà cả dân tộc ta, mọi người dân Việt Nam “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>(8)</sup> và cho “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn”, dân tộc Việt Nam cũng “kiên quyết giành cho được độc lập”, cũng quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc, quyết tâm

(3), (4) *Sđd*, t.4, tr.3.

(5) *Sđd*, t.4, tr.4.

(6) *Sđd*, t.3, tr.198.

(7) *Sđd*, t.4, tr.469.

(8) *Sđd*, t.4, tr.480.

thực hiện bằng được độc lập, thống nhất trọn vẹn cho dân tộc, cho đất nước.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam ta, ngay từ thế kỷ XI (năm 1077), anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt, sau khi lãnh đạo quân dân nước Việt chống quân xâm lược nhà Tống thắng lợi, đã viết *Nam quốc sơn hà* để khẳng định chủ quyền dân tộc: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư”. Áng văn bất hủ này đã được nhân dân ta truyền tụng và xem như bản *Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam*. Đến thế kỷ XV, sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh kéo dài 10 năm (1418 - 1428) kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi - anh hùng dân tộc, người cùng với Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa) đã viết *Bình Ngô đại cáo* - bản *Tuyên ngôn Độc lập* thứ hai trong lịch sử dân tộc Việt Nam - để nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc ta và khẳng định danh thếp quyền được sống, được tồn tại trong thái bình, thịnh vượng của người dân nước Việt.

Tiếp nối truyền thống hào hùng đó của dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam, sau Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh - người không chỉ được tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, mà còn được thừa nhận là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trên phạm vi thế giới trong thế kỷ XX - đã trịnh trọng tuyên bố với thế giới bản *Tuyên ngôn Độc lập* thứ ba trong lịch sử dân tộc Việt Nam - *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới - để một lần nữa khẳng định chủ quyền dân tộc; khẳng định nền độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam, sự toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc Việt Nam, quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế

giới; khẳng định quyền thực sự làm chủ đất nước của mọi người dân nước Việt; khẳng định các quyền cơ bản của con người cho toàn thể nhân dân Việt Nam và nêu cao tinh thần bất khuất, quật cường, không bao giờ cam tâm làm nô lệ của dân tộc ta, nhân dân ta.

Trên phạm vi toàn thế giới, lịch sử nhân loại, tính từ những thập niên cuối của thế kỷ XVIII, đã chứng kiến sự ra đời *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ năm 1776 *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của nước Pháp năm 1791 sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Dân chủ tư sản. Đầu thế kỷ XX, nhân loại toàn thế giới lại một lần nữa được chứng kiến sự ra đời *Tuyên ngôn về quyền của nhân dân lao động bị áp bức* của nước Nga Xô - viết sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười vĩ đại năm 1917. Đây là bản *Tuyên ngôn* mở đầu một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, thức tỉnh giai cấp công nhân và toàn thể nhân loại bị áp bức, soi sáng con đường cho các dân tộc bị nô dịch, áp bức đi tới cách mạng giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp theo bản *Tuyên ngôn* này của nước Nga Xô - viết, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại đương đại - thời kỳ các nước thuộc địa và nửa thuộc địa vùng lên giành độc lập, làm tan rã chế độ thực dân cũ, đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới ra đời. Song, đó hoàn toàn không phải là những lời tuyên bố tự phát, mà đã được suy ngẫm từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc gửi

đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (ngày 18 tháng 1 năm 1919) gồm 8 điểm đề đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam<sup>(9)</sup>. *Tuyên ngôn* này là kết quả của một sự khám phá lớn, của một quá trình khảo nghiệm sâu sắc không chỉ những bản Tuyên ngôn lập quốc bất hủ trong lịch sử nhân loại, mà cả những bản Tuyên ngôn lập quốc bất hủ và những bài học lịch sử trong lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc tự quyết và các quyền cơ bản của con người đã gắn kết với nhau một cách nhuần nhuyễn. Quyền dân tộc thiêng liêng và quyền cơ bản của con người - hai lĩnh vực công pháp quốc tế và pháp luật quốc tế - đã được Người gắn kết hữu cơ với nhau, hòa quyện với nhau làm một đề từ đó, phát triển lên cùng với thực tiễn đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh lâu dài nhằm giành lại quyền sống, quyền tồn tại cho dân tộc trong độc lập, tự do và bình đẳng với các dân tộc khác, quyền tự do, dân chủ, quyền mưu sinh, mưu cầu hạnh phúc cho hết thảy mọi người dân nước Việt Nam. Quyền dân tộc thiêng liêng mà Người đã khẳng định ở đây cũng chính là quyền dân tộc cơ bản mà dân tộc ta hoàn toàn có quyền được hưởng. Đó là sự độc lập về chủ quyền, sự thống nhất và toàn vẹn về lãnh thổ. Độc lập cho dân tộc mà Người khẳng định ở đây là nền độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn của một dân tộc. Dân tộc đó có đầy đủ chủ quyền quốc gia về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh,... và toàn vẹn lãnh thổ. Nền độc lập đó phải được thực hiện một cách triệt để mà theo

đó, nước Việt Nam là của người Việt Nam, mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia Việt Nam phải do người Việt Nam tự giải quyết. Nền độc lập đó chỉ có ý nghĩa và giá trị thực sự, khi nó được thể hiện bằng quyền tự do, dân chủ và hạnh phúc của nhân dân. Dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, dân chủ và hạnh phúc, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành không chỉ là điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định khi trình trọng tuyên bố với thế giới *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, mà còn là hoài bão, lý tưởng, ham muốn tốt bậc, suốt đời của Người.

Tư tưởng độc lập cho dân tộc, tự do và dân chủ cho nhân dân, quyền cơ bản cho con người mà trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, vẫn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay, khi chúng ta và cả cộng đồng nhân loại tiến bộ trên thế giới đều nhận thức một cách rõ ràng rằng, trong thời đại ngày nay, việc bảo vệ quyền con người phải được gắn kết với những mục tiêu lớn của nhân loại: hòa bình và an ninh quốc tế, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Thực tiễn lịch sử nhân loại nhiều thế kỷ qua cũng đã cho thấy, một dân tộc không có chủ quyền thì ở đó, cũng không thể có con người tự do, dân chủ, bình đẳng, hạnh phúc. Trong công cuộc đổi mới đất nước, việc chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội cũng chính là đang thực hiện và phát triển tư tưởng cơ bản đó của *Tuyên ngôn Độc lập*.

Không chỉ khẳng định tư tưởng độc lập

---

<sup>(9)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.435 - 436.

cho dân tộc, tự do và dân chủ cho nhân dân, quyền cơ bản cho con người, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới còn thể hiện sâu sắc truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường mà dân tộc ta đã hun đúc nên qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Với những truyền thống quý báu ấy, nhất là truyền thống yêu nước, nhân dân ta đã đánh thắng nhiều thế lực xâm lược hùng mạnh hơn mình gấp bội để giữ vững quyền sống, quyền được tồn tại bình đẳng, quyền tự do và độc lập cho dân tộc.

Không chỉ thể hiện sâu đậm truyền thống hào hùng, ý chí kiên cường, bất khuất xuyên suốt lịch sử nhiều thế kỷ của dân tộc Việt Nam, của nhân dân Việt Nam, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới còn phản ánh một tính cách, một tâm thế cũng rất đặc thù Việt Nam - đó là sự đoàn kết, đồng tâm, nhất trí, cố kết dân tộc để tạo nên sức mạnh cộng đồng và khát vọng vươn tới tự khẳng định mình với tư cách một dân tộc, một quốc gia có chủ quyền với lòng tự tôn, tự hào chính đáng. Tính cách, tâm thế đặc thù Việt Nam này đã trở thành một giá trị tinh thần mang sức mạnh vật chất, có sức lôi cuốn, cổ vũ và nuôi dưỡng các thế hệ người Việt Nam kế tiếp nhau, dù trong máu lửa, đạn bom, dù có phải hy sinh cả tính mạng vẫn không đánh mất mình với tư cách một dân tộc độc lập, không chấp nhận “trở thành cái bóng mờ của người khác, của dân tộc khác”.

Thể hiện và phản ánh những truyền thống đó, những giá trị tinh thần đó của dân tộc ta, nhân dân ta, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh thép khẳng định, dù kẻ

thù xâm lược có hùng mạnh đến mấy, kẻ cả khi nó “lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”, hành động “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”, “thi hành những luật pháp dã man”, lập ra những chế độ khác nhau trên đất nước ta “để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết”, “lập ra nhà tù nhiều hơn trường học”, “thăng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta”, “tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”, “bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”, “làm cho nòi giống ta suy nhược”<sup>(10)</sup>, thì khí phách anh hùng, tinh thần quật cường, ý chí bền bỉ, lòng quyết tâm cao độ để giành lại độc lập, tự do, bình đẳng cho dân tộc, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân của cả dân tộc ta, của mỗi người dân nước Việt Nam không những không hề bị mai một, mà càng được tôi luyện, hun đúc và nhân lên sức mạnh vốn có của nó một cách mạnh mẽ. Chính là nhờ đó, chúng ta đã “dựng nên nước Việt Nam độc lập”, “lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”.

Lời khẳng định đánh thép này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được minh chứng: bằng thắng lợi hoàn toàn của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; bằng thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là “Chiến thắng Điện Biên lẫy lừng thế giới” năm 1954; bằng Đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử, giải

---

<sup>(10)</sup> *Sđd*, t.4, tr.1 - 2.

phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; bằng những thành công rất đồ sộ của công cuộc đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, đưa đất nước tiếp tục từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những nhận thức và tư duy mới, đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

*Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới còn là sự kết tinh cao đẹp của bản lĩnh và phẩm giá con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Từ các bản Tuyên ngôn dựng nước và giữ nước của các thế hệ cha ông chúng ta trong lịch sử đến *Tuyên ngôn Độc lập* này, tiếng nói chung, ý chí chung của cả dân tộc ta đều được khẳng định, được phản ánh và thể hiện một cách đậm nét, đanh thép. Dù cách diễn đạt, cách thể hiện có khác nhau, nhưng các bản Tuyên ngôn ấy đều là những áng văn bất hủ và trên hết, nội dung và ý tưởng vẫn là một. Dẫu cho khoảng cách về thời gian có thể cách xa nhau hàng thiên niên kỷ, nhưng tư tưởng, quan điểm, quan niệm về quyền dân tộc tự quyết, cơ bản và thiêng liêng của dân tộc Việt Nam với tư cách một quốc gia độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, về các quyền con người của người Việt Nam với tư cách con người theo đúng nghĩa của từ này đều được các bản Tuyên ngôn ấy khẳng định một cách kiên quyết, tuyên bố một cách đanh thép mà “không ai chối cãi được”, không ai “không thể không công nhận”. Bản lĩnh và phẩm giá Việt Nam mà trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết tinh và thể hiện một cách sâu sắc, là bản lĩnh và phẩm giá của cả một dân tộc biết dựng xây và giữ gìn quyền sống, quyền tồn tại của cả cộng đồng với tư cách một dân

tộc; đồng thời cũng phản ánh một cách đậm nét khát vọng sống, khát vọng tồn tại của con người Việt Nam; hơn nữa, đó còn là khát vọng được sống, được tồn tại trong độc lập, tự do với tư cách một động lực tinh thần mạnh mẽ thúc đẩy mỗi con người Việt Nam và cả cộng đồng dân tộc Việt Nam phát triển theo hướng tiến bộ, văn minh.

Lịch sử nhân loại đã từng chứng kiến không ít các cuộc xâm lăng, nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác và trên thực tế, không ít dân tộc, không ít cộng đồng người, do những nguyên nhân khác nhau, đã không đứng vững trước cuộc xâm lăng đó, không vượt qua được sự nô dịch, đồng hóa của các thế lực xâm lăng. Trong lịch sử Việt Nam, lịch sử hào hùng của hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã từng phải trực tiếp đối diện với sự xâm lăng của các thế lực thù địch không chỉ một lần; song, với ý chí, tinh thần và sức mạnh của cả một cộng đồng dân tộc vốn có truyền thống anh hùng, chúng ta đã lần lượt, hết lần này đến lần khác, vượt qua nguy cơ bị đồng hóa, bị diệt vong để rồi quật cường tự đứng lên, tự mình khẳng định quyền tồn tại, quyền tự quyết của dân tộc mình. Thế nhưng, từ giữa thế kỷ XIX, vận mệnh dân tộc lại đứng trước một thử thách mới, hết sức hiểm nghèo - đó là sự xâm lăng, nô dịch núp dưới chiêu bài khai hóa văn minh, tự do, bình đẳng, bác ái, nhưng lại với ý đồ rất rõ ràng là xâm chiếm vĩnh viễn, đồng hóa và xóa sổ Việt Nam trên bản đồ chính trị thế giới của một cường quốc có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh hơn chúng ta rất nhiều. Chính trong thử thách hiểm nghèo đó, bản lĩnh và phẩm giá con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam được hun đúc suốt chiều dài lịch sử dân tộc lại

một lần nữa thức tỉnh, khơi dậy truyền thống hào hùng trong đấu tranh dựng nước và giữ nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Cũng chính bản lĩnh, phẩm giá cao quý đó đã đưa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vượt qua lối mòn lịch sử đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp một cách tự nhiên tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin để từ đó, bắt đầu sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người trên nền tảng lý luận cách mạng vô sản, lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam, dẫn dắt Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam và cả dân tộc Việt Nam đi đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, giành độc lập cho dân tộc, các quyền cơ bản của con người cho nhân dân và khai sinh ra nước Việt Nam mới - nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày nay, chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào mà nói rằng: *Tuyên ngôn Độc lập* - áng hùng văn lập quốc vĩ đại - đã được cả dân tộc Việt Nam ta viết nên bằng xương máu, bằng nghị lực, quyết tâm giành lại và bảo vệ, giữ gìn cho bằng được quyền sống, quyền tồn tại trong độc lập, tự do, bình đẳng và dân chủ, trong hòa bình, hạnh phúc của cả cộng đồng dân tộc và của mỗi người dân nước Việt Nam; “*Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của bao nhiêu máu đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hy sinh của những con người anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường”<sup>(11)</sup>; *Tuyên ngôn độc lập* chính là sự kết tinh, thể hiện và phản ánh truyền thống hào hùng, giá trị tinh thần bền vững, bản lĩnh và phẩm giá cao đẹp của con người Việt Nam, dân

tộc Việt Nam trong trường kỳ lịch sử, chứa đựng cả giá trị lịch sử vĩnh hằng lẫn ý nghĩa thời đại to lớn. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* này còn là nền tảng chính trị - pháp lý của nước Việt Nam mới. Trên bình diện quốc gia cũng như trên bình diện quốc tế, *Tuyên ngôn Độc lập* đều chứa đựng những yếu tố vượt thời đại và với tư cách đó, nó mang sức sống mãnh liệt và mãi trường tồn với thời gian.<sup>(11)</sup>

Quyền dân tộc tự quyết, các quyền cơ bản của con người với tư cách những quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm mà *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới đã khẳng định không chỉ là những giá trị bất hủ dành riêng cho dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam, mà còn là những giá trị bất hủ dành cho mọi dân tộc, cho cả nhân loại. Hướng đến các quyền đó là xu thế tất yếu của mọi dân tộc, của tất cả mọi người trong cộng đồng nhân loại ở thời đại ngày nay. Chính vì lẽ đó, khi *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố đã làm nức lòng các dân tộc và nhân dân các nước gần xa có chung cảnh ngộ như dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam; nó báo hiệu một thời đại mới - thời đại giải phóng các dân tộc và nhân dân các nước thuộc địa khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân trên quy mô toàn cầu, thời đại phá tan xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, thời đại của các dân tộc và nhân dân các nước bị áp bức, bóc lột giành lại quyền sống, quyền tồn tại trong độc lập, tự do, hòa bình và bình đẳng cho dân tộc mình, quyền sống, quyền tự do, dân chủ và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân mình.

---

<sup>(11)</sup> Trần Dân Tiên (1970), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.116.

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do” và vì nó, cả dân tộc Việt Nam, toàn thể nhân dân Việt Nam đã phải “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Do vậy, có thể nói, “Không có gì quý hơn độc lập tự do” là một giá trị vừa mang ý nghĩa lịch sử, vừa mang ý nghĩa thời đại và cũng do vậy, là một giá trị vĩnh hằng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã rút ra không chỉ từ thực tiễn đấu tranh của riêng mình, của dân tộc Việt Nam, mà cả từ thực tiễn đấu tranh của nhiều vĩ nhân, nhiều dân tộc trên thế giới trong suốt chiều dài lịch sử và đương đại. Giá trị này không chỉ luôn được đặt ra trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân đang thống trị thế giới, mà còn luôn được đặt ra trong thời đại ngày nay, khi những kẻ đại diện cho quyền lợi ích kỷ của các nước lớn, các cường quốc vẫn nhân danh quyền con người, ủng hộ dân chủ để can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các dân tộc khác, của các nước đang trên con đường phát triển, tự khẳng định.

70 năm trước, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới đã bóc trần bộ mặt giả nhân, giả nghĩa, hành động “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” của những kẻ nhân danh “lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái” để áp bức, bóc lột các dân tộc khác, can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của nước khác. Đó không chỉ là vấn đề lịch sử, mà còn là vấn đề mang tính thời sự nóng hổi, khi mà giờ đây, các thế lực phản động quốc tế vẫn tiếp tục chiêu bài cũ và nhân danh quyền con người, ủng hộ dân chủ để thực hiện âm mưu, chiến lược “diễn biến hòa bình”, can thiệp thô bạo và ngày càng tinh vi vào công việc nội bộ của các quốc gia dân tộc đang trên con đường phát triển trong độc lập, tự chủ. Chính vì vậy, giờ đây

đối với chúng ta, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do, dân chủ và bình đẳng, tiến bộ và công bằng xã hội mà trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố, lại càng trở nên nóng bỏng hơn bao giờ hết. Cuộc đấu tranh của chúng ta nhằm thực hiện cho kỳ được khát vọng đó còn gặp nhiều trở ngại, thách thức to lớn, còn rất gian khổ và hết sức phức tạp. Song, có thể nói, thắng lợi của cuộc đấu tranh này là tất yếu. Với những đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại, cuộc đấu tranh đó của nhân dân ta cùng với “cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có bước tiến mới”<sup>(12)</sup>. Bởi lẽ, đó là quy luật phát triển của lịch sử, là nguyện vọng và ý chí không chỉ của dân tộc ta, nhân dân ta, mà còn là nguyện vọng và ý chí của các dân tộc, của nhân dân các nước trên phạm vi toàn thế giới, và do vậy, không một thế lực nào, kể cả những thế lực có tiềm lực kinh tế, quân sự vào bậc nhất, có thể ngăn cản được.

Nhân Kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2 - 9, việc chúng ta cùng khẳng định giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của *Tuyên ngôn Độc lập* với tư cách một áng văn lập quốc vĩ đại, bản hùng văn mang đầy hào khí của một dân tộc anh hùng, Tuyên ngôn về quyền dân tộc tự quyết, về các quyền cơ bản của con người mà dân tộc Việt Nam, toàn thể nhân dân Việt Nam xứng đáng được hưởng và đã thực sự được hưởng, thiết nghĩ, là cần thiết và bổ ích.

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.69.

